

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 1344/QĐ-ĐHKTQD ngày 26 tháng 7 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế Quốc dân)

CHƯƠNG TRÌNH/PROGRAMME:	CỬ NHÂN KINH TẾ PHÁT TRIỂN /BACHELOR OF DEVELOPMENT ECONOMICS
TRÌNH ĐỘ ĐÀO TẠO/LEVEL OF EDUCATION:	ĐẠI HỌC/UNDERGRADUATE
NGÀNH ĐÀO TẠO/MAJOR:	DEVELOPMENT ECONOMICS
MÃ NGÀNH/CODE:	7310150
ĐƠN VỊ ĐÀO TẠO VÀ CẤP BẰNG	TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
HÌNH THỨC ĐÀO TẠO/TYPE OF EDUCATION:	CHÍNH QUY/FULL - TIME
NGÔN NGỮ ĐÀO TẠO/LANGUAGE	TIẾNG VIỆT/VIETNAMESE
THỜI GIAN ĐÀO TẠO/DURATION TIME	4 NĂM/ 4 YEARS

1. MỤC TIÊU

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo Kinh tế phát triển nhằm đào tạo cử nhân Kinh tế phát triển có kiến thức rộng, đồng bộ, hệ thống về lĩnh vực phát triển; bao gồm: (i) nội hàm của sự phát triển và phát triển bền vững; (ii) xu hướng phát triển nền kinh tế; (iii) các yếu tố chi phối, vận động chủ yếu trong các nền kinh tế đang phát triển; và (iv) tổ chức, thực hiện và quản lý các hoạt động phát triển ở các cấp: quốc gia, ngành/lĩnh vực, vùng/ địa phương, các tổ chức quốc tế và các tổ chức, đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế.

Chương trình đào tạo Kinh tế phát triển trang bị cho người học khả năng tư duy độc lập, dẫn dắt, phối hợp nhằm giải quyết vấn đề phát triển dựa trên bằng chứng, chủ động và linh hoạt với sự thay đổi của môi trường quốc tế và trong nước. Từ đó, sinh viên có thể đáp ứng với điều kiện làm việc của công dân toàn cầu: chuyên nghiệp, hiệu suất, trách nhiệm, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững và bao trùm.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và chịu trách nhiệm: đạt chuẩn đầu ra theo quy định tại Thông tư 07/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể:

Về kiến thức: Có đủ kiến thức để phân tích, đánh giá, tổ chức, thực hiện và quản lý quá trình phát triển của quốc gia, ngành, địa phương và các tổ chức đơn vị thuộc mọi thành phần kinh tế

Về kỹ năng: Có khả năng thực hành tốt các kỹ năng nghề nghiệp. Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp giải quyết vấn đề tại nơi làm việc; có kỹ năng phản biện; Có thể đọc hiểu các tài liệu bằng tiếng Anh. Sử dụng máy tính thành thạo để thực hiện các nhiệm vụ văn phòng và phục vụ hoạt động nghiên cứu

Về năng lực tự chủ tự chịu trách nhiệm: Có đủ năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm để làm việc độc lập hoặc tham gia các hoạt động nhóm để thực hiện các công việc mình đảm trách trong khuôn khổ tuân thủ các quy định, quy tắc và định hướng chung.

- Vị trí và nơi làm việc sau khi tốt nghiệp: Cử nhân ngành Kinh tế Phát triển có thể làm việc tại:

+ Các đơn vị kinh tế (doanh nghiệp, tổ chức tài chính tín dụng, các đơn vị sự nghiệp công...) ở các vị trí quản lý điều hành, tham mưu hoạch định, chiến lược chính sách

+ Các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương trong lĩnh vực quản lý kinh tế đặc biệt là các cơ quan làm việc trong môi trường quốc tế;

+ Các tổ chức và đối tác phát triển (như WB, ADB, UN, FAO...);

+ Các tổ chức phi chính phủ về phát triển (DIFID, SIDA, CIDA, OXFAM...);

+ Các viện nghiên cứu kinh tế, các trường đại học, cao đẳng các tổ chức tư vấn trong nước và quốc tế;

Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường: Cử nhân ngành kinh tế phát triển có khả năng học tập liên thông, chuyển đổi và phát triển ngành nghề rộng; có khả năng học tập nâng cao trình độ ở bậc sau đại học trong nước và quốc tế.

- Trình độ ngoại ngữ và tin học: Đạt chuẩn đầu ra về Ngoại ngữ và Tin học theo quy định hiện hành của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.

2. CHUẨN ĐẦU RA

TT	Mã hóa	Chuẩn đầu ra	Mức độ
	PLO1	KIẾN THỨC	
	PLO1.1	Kiến thức đại cương về chính trị, xã hội và luật pháp	2/5
1	1.1.1	Hiểu được thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác Lê nin và ứng dụng trong học tập, nghiên cứu các môn học khác, vận dụng vào phân tích và giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội trong thực tiễn.	2/5
2	1.1.2	Có nhận thức, hiểu biết về chủ nghĩa xã hội khoa	2/5

		học, lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam và tư tưởng Hồ Chí Minh, để từ đó lĩnh hội, tuân thủ tư tưởng đó trong thực thi các nhiệm vụ được giao	
3	1.1.3	Có hiểu biết về nhà nước và hệ thống pháp luật Việt Nam để vận dụng và thực hành trong các hoạt động của nền kinh tế	2/5
	PLO 1.2	Kiến thức chung của lĩnh vực kinh tế	
4	1.2.1	Sinh viên hiểu và vận dụng các lý thuyết nền tảng về khoa học kinh tế vào giải thích và phân tích các hoạt động của nền kinh tế ở cả cấp độ vi mô và vĩ mô	3/5
5	1.2.2	Vận dụng được các lý thuyết và công cụ toán học trong phân tích kinh tế	3/5
	PLO 1.3	Kiến thức chung của nhóm ngành	
6	1.3.1	Hiểu và vận dụng được các nguyên tắc hạch toán và thống kê hoạt động của nền kinh tế ở cấp độ vi mô và vĩ mô	3/5
7	1.3.2	Hiểu rõ về nguyên tắc và cơ chế vận hành của khu vực tài chính trong nền kinh tế	3/5
	PLO 1.4	Kiến thức cơ sở ngành	
8	1.4.1	Sinh viên có kiến thức để phân tích được các khía cạnh hoạt động của nền kinh tế cũng như quá trình phát triển của nền kinh tế	3/5
	PLO 1.5	Kiến thức ngành và chuyên ngành	
9	1.5.1	Nắm bắt và phân tích được ảnh hưởng của môi trường kinh tế ở cả góc độ vĩ mô và vi mô tới quá trình phát triển của các quốc gia nói chung và Việt Nam nói riêng.	4/5
10	1.5.2	Sinh viên nắm vững khung phân tích tổng thể và tổ chức hoạt động phát triển; tổng hợp thành các vấn đề mang tính quy luật chi phối sự phát triển để giải thích các vấn đề phát triển.	4/5
11	1.5.3	Sinh viên có khả năng lựa chọn và sử dụng các mô hình, công cụ phân tích đánh giá và hoạch định phát triển trong xây dựng bằng chứng và lựa chọn phương án tối ưu để quản lý các vấn đề phát triển.	4/5
	PLO 2	KỸ NĂNG	

	PLO 2.1	Kỹ năng chung	
12	2.1.1	Giao tiếp hiệu quả với các bên liên quan trong công việc (giao tiếp xã hội, thuyết phục, vận động chính sách...)	3/5
13	2.1.2	Trình bày chuyên nghiệp các vấn đề chuyên môn bằng văn bản và thuyết trình	4/5
	PLO 2.2	Kỹ năng nghề nghiệp	
14	2.2.1	Sinh viên có kỹ năng phân tích tổng hợp và tư duy hệ thống (nhận dạng vấn đề, thu thập thông tin, phân tích và giải quyết vấn đề một cách có hệ thống) để có thể tham mưu và tự tổ chức quản lý hoạt động phát triển	4/5
15	2.2.2	Sinh viên có kỹ năng lập, tổ chức thực hiện, theo dõi đánh giá chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và chương trình - dự án phát triển.	3/5
	PLO 2.3	Kỹ năng bổ trợ	
16	2.3.1	Sinh viên có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 (hoặc số điểm TOEIC/IELTS/TOEFL) theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ hiệu quả trong công việc	3/5
17	2.3.2	Đạt chuẩn tin học tương đương IC3. Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu thông qua các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn.	4/5
	PLO 3	NĂNG LỰC TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM	
	PLO 3.1	Có năng lực thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và CMCN 4.0	
18	3.1.1	Sinh viên có nhận thức đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có thái độ chuyên nghiệp, tự tin; có hiểu biết, tôn trọng và chấp hành nghiêm pháp luật Nhà nước. <u>Biết tuân thủ quy tắc, quy định của cơ quan, tổ chức, địa phương, có ý thức phục vụ nhân dân và cộng đồng, trách nhiệm gìn giữ an ninh quốc phòng</u>	3/5
19	3.1.2	Có đủ sức khỏe để thực hiện các công việc chuyên môn và chịu được áp lực công việc	3/5
20	3.1.3	Sáng tạo và có chính kiến; Biết lắng nghe và tư duy phản biện.	3/5
21	3.1.4	Sinh viên có đủ năng lực tự học tập, tự nghiên cứu tích	4/5

		lũy kiến thức, kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc luôn biến động	
	PLO3.2	Có năng lực làm việc độc lập, khả năng thích ứng và kỹ năng tham gia, điều phối và dẫn dắt trong các hoạt động nhóm	3/5
22	3.2.1	Tham gia tích cực vào các hoạt động nhóm	3/5
23	3.2.2	Tổ chức, giám sát và truyền cảm hứng các thành viên trong thực hiện nhiệm vụ được giao và các hoạt động xã hội	4/5
24	3.2.3	Chịu trách nhiệm cá nhân trước nhóm, cộng đồng, xã hội	3/5

Thang đo MIT: 1. Có trải nghiệm và gặp qua; 2: có tham gia vào và đóng góp; 3: Có thể giải thích; 4: có thể thực hành và tổ chức triển khai; 5: Có thể dẫn dắt đổi mới, sáng tạo, đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề

3. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 129 tín chỉ

4. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh đại học hệ chính quy của Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

5. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP: Theo quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của Trường Đại học Kinh tế Quốc dân về đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. CÁCH THỨC ĐÁNH GIÁ: Theo thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ

7. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

7.1. Cấu trúc cơ bản

Bảng 1. Các khối kiến thức trong CTĐT

Kiến thức	Số TC	Ghi chú
1. Kiến thức giáo dục đại cương	44	
1.1. Các học phần chung	20	Khoa học chính trị và Ngoại ngữ
1.2. Các học phần của Trường	12	04 học phần chung của Trường
1.3. Các học phần của ngành	12	04 học phần chung của lĩnh vực
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	85	
<i>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</i>	15	05 HP chung của nhóm ngành
<i>2.2. Kiến thức ngành</i>	42	

2.2.1. Các học phần bắt buộc	27	
2.2.2. Các học phần tự chọn	15	SV tự chọn 15 tín chỉ (5 học phần)
2.3. Kiến thức chuyên sâu	18	SV tự chọn 18 tín chỉ (6 học phần)
2.4. Khóa luận tốt nghiệp	10	
TỔNG SỐ	129	Không kể GDQP & AN và GDTC

7.2. Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy

- Nội dung cần đạt được, khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) của từng học phần trong chương trình được mô tả ở đề cương chi tiết mỗi học phần.

- Nội dung chương trình và kế hoạch giảng dạy (dự kiến 04 năm/08 học kỳ, mỗi kỳ 12-18 tín chỉ) được mô tả theo bảng dưới đây:

Bảng 2. Nội dung và kế hoạch giảng dạy

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế phát triển)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	1. Kiến thức giáo dục đại cương			44		
	1.1. Các học phần chung			20		
1	1	Triết học Mác - Lênin Marxist-Leninist Philosophy	LLNL1105	3	I	
2	2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin Political Economics of Marxism and Leninism	LLNL1106	2	II	LLNL1105
3	3	Chủ nghĩa xã hội khoa học Scientific Socialism	LLNL1107	2	III	LLNL1105 LLNL1106
4	4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam Communist Party History	LLDL1102	2	V	LLNL1105 LLNL1106 LLNL1107
5	5	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	LLTT1101	2	IV	LLNL1105 LLNL1106 LLNL1107
6	6	Ngoại ngữ Foreign Language	NNKC	9	I-II-III	
	7	Giáo dục thể chất Physical Education	GDTC	4		
	8	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Military Education	GDQP	8- 11		

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế phát triển)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
1.2. Các học phần của Trường				12		
7	1	Toán cho các nhà kinh tế Mathematics for Economics	TOCB1110	3	I	
8	2	Pháp luật đại cương Fundamentals of Laws	LUCS1129	3	I	
9	3	Kinh tế vi mô 1 Microeconomics 1	KHMI1101	3	I	
10	4	Kinh tế vĩ mô 1 Macroeconomics 1	KHMA110 1	3	I	
1.3. Các học phần của ngành				12		
11	1	Thống kê trong kinh tế và kinh doanh Statistics for Economics and Business	TKKD1129	3	III	
12	2	Lý thuyết xác suất và thống kê toán Probability and Mathematical Statistics	TOKT1145	3	II	
13	3	Nguyên lý kế toán Accounting Principles	KTKE1101	3	II	
14	4	Lý thuyết tài chính tiền tệ Monetary and Financial Theories	NHLT1107	3	III	KHMI1101 KHMA1101 LLNL1106
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp				85		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành				15		
15	1	Kinh tế quốc tế International Economics	TMKQ1123	3	III	KHMI1101 KHMA1101
16	2	Kinh tế lao động Labor Economics	NLKT1115	3	IV	KHMI1101 KHMA1101
17	3	Kinh tế phát triển Development Economics	PTKT1128	3	IV	KHMA1101
18	4	Kinh tế và quản lý môi trường Environmental Economics and Management	MTKT1104	3	III	KHMI1101
19	5	Kinh tế đầu tư	DTKT1154	3	II	KHMI1101

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế phát triển)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
		Investment Economics				KHMA1101
	2.2. Kiến thức ngành			42		
	2.2.1 Các học phần bắt buộc			27		
20	1	Dự báo kinh tế xã hội 1 Social - Economic Forecasting 1	PTCC1126	3	V	TOKT1101
21	2	Kinh tế công cộng 1 Public Economics 1	PTCC1103	3	IV	KHMI1101
22	3	Kế hoạch hóa phát triển 1 Development Planning 1	PTKT1119	3	V	PTKT1128
23	4	Chiến lược phát triển Development Strategy	PTCC1104	3	VI	PTKT1128 PTCC1103
24	5	Quản trị tiên liệu Anticipatory Governance	PTCC1132	3	IV	PTCC1126 PTKT1119
25	6	Kinh tế phát triển 1 Development Economics 1	PTKT1102	3	V	PTKT1128
26	7	Kinh tế và chính sách phát triển vùng Regional Economics and Policies	PTCC1122	3	VI	PTKT1128
27	8	Phương pháp nghiên cứu kinh tế - xã hội Socio-Economic research Methods	PTCC1128	3	IV	
28	9	Kinh tế học thể chế Institutional Economics	PTKT1127	3	VII	KHMI1101 KHMA1101 PTKT1128
	2.2.2 Các học phần tự chọn <i>(SV tự chọn 05 học phần trong tổ hợp)</i>			15		
29	1	Quản trị kinh doanh 1 Business Management 1	QTTH1102	3	IV	KHMI1101
30	2	Marketing căn bản Principles of Marketing	MKMA110 4	3	II	KHMI1101
31	3	Quản trị chiến lược Strategic Management	QTKD1132	3	II	
32	4	Kinh tế nông thôn Rural Economics	TNKT1111	3	II	KHMI1101, KHMA1101

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế phát triển)		Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	5	Kinh tế đô thị Urban Economics	MTDT1115	3	IV	KHMI1101, KHMA1101
	6	Phát triển bền vững Sustainable Development	PTKT1129	3	VII	PTKT1128
	7	Kinh tế lượng 1 Econometrics 1	TOKT1101	3	III	TOKT1145
	8	Quản lý phát triển Development Management	PTKT1121	3	VI	PTKT1128
	9	Quản lý dịch vụ công Public Services Management	QLXH1105	3	IV	
	10	Kinh tế học biến đổi khí hậu Economics of Climate Change	MTKH1103	3	IV	KHMI1101, KHMA1101
	2.3. Kiến thức chuyên sâu (SV tự chọn 6 HP trong 01 tổ hợp)			18		
	Kinh tế Phát triển					
34 - 39	1	Kinh tế phát triển 2 Development Economics 2	PTKT1111	3	VI	PTKT1102
	2	Dự báo kinh tế xã hội 2 Social -Economic Forecasting 2	PTCC1127	3	VI	PTCC1126
	3	Theo dõi và đánh giá phát triển Development Monitoring and Evaluation	PTCC1129	3	V	
	4	Kinh tế công cộng 2 Public Economics 2	PTCC1121	3	V	PTCC1103
	5	Chính sách phát triển Development Policy	PTKT1117	3	VII	PTKT1128
	6	Kinh tế học so sánh Comparative Economics	PTKT1126	3	VII	PTKT1128
	Kế hoạch					
34 -39	1	Kế hoạch hóa phát triển 2 Development Planning 2	PTKT1108	3	VI	PTKT1119
	2	Theo dõi và đánh giá phát triển Development Monitoring and Evaluation	PTCC1129	3	V	
	3	Chương trình và dự án phát triển Development Programs and	PTCC1105	3	VI	PTCC1129

TT	Nội dung chương trình đào tạo (Ngành Kinh tế phát triển)	Mã HP	Số TC	Học kỳ (dự kiến)	Mã HP tiên quyết
	Projects				
4	Hệ thống tài khoản quốc gia System of National Accounts	TKKT1101	3	V	
5	Kế hoạch kinh doanh Business Planning	PTKT1109	3	VII	PTCC1104
6	Quy hoạch phát triển Spatial Development Planning	PTCC1116	3	VII	PTKT1128 PTKT1119
40	Khóa luận tốt nghiệp <i>Graduation Thesis</i>	PTKT1130	10	VIII	
	Tổng số tín chỉ		129		

8. Hướng dẫn thực hiện

4 Kế hoạch đào tạo chuẩn của chương trình đào tạo là 04 năm, mỗi năm có 02 hoặc 03 học kỳ chính và 01 học kỳ phụ, phương thức tổ chức đào tạo theo tín chỉ.

➤ Sinh viên nhập học được đăng ký học mặc định trong học kỳ 1, các học kỳ sau sinh viên tự đăng ký học theo kế hoạch giảng dạy của trường. Các học phần được sắp xếp linh hoạt theo từng học kỳ, sinh viên có thể đăng ký học trước hoặc sau các học phần, không bắt buộc theo trình tự của kế hoạch dự kiến nếu đáp ứng các điều kiện của học phần đăng ký.

➤ Sinh viên có thể học vượt để tốt nghiệp sớm so với kế hoạch đào tạo chuẩn hoặc tốt nghiệp muộn nhưng không quá thời gian đào tạo tối đa theo quy định.

➤ Nội dung cần đạt được của từng học phần được mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

➤ Khối lượng kiến thức (Lý thuyết/Thảo luận/Thực hành/Tự học) và cách đánh giá học phần được quy định trong đề cương chi tiết mỗi học phần.

➤ Điều kiện tốt nghiệp: sinh viên tích lũy đủ khối lượng kiến thức của CTĐT, đạt chuẩn đầu ra Tin học và Ngoại ngữ, có chứng chỉ GDQP và AN, hoàn thành các học phần GDTC và các quy định khác của trường.

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Ngọc Sơn

PGS.TS Phạm Hồng Chương